

Số: 127/2025/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 29 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 374/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987 Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/4/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị B với anh Trần Văn D thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị B với anh Trần Văn D tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có một người tên: Trần Tuấn Đ, sinh ngày 04/4/2009. Nguyên vọng của cháu Trần Tuấn Đ mong muốn được sống chung với chị B. Anh D, chị B tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con như sau:

Chị Nguyễn Thị B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Tuấn Đ, sinh ngày 04/4/2009

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị B chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Quyền sử dụng đất thửa 112, diện tích 4.840 m², loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên hòa giải chị Búp, anh D tự nguyện thỏa thuận: Anh Trần Văn D trả giá trị quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị B với số tiền là 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Anh Trần Văn D được quản lý, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 112, diện tích 4.840 m², loại đất trồng lúa, thuộc tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để chỉnh lý biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

- **Về thời gian trả tiền:** Hai bên tự nguyện thỏa thuận thời gian trả do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về nợ chung phải thu, phải trả:** Tại phiên hòa giải chị B, anh D xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị B tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh D không phải chịu án phí.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Số tiền 13.000.000 đồng, mỗi người nộp 50% án phí nên chị Búp phải nộp 6.500.000 đồng, anh D phải nộp 6.500.000 đồng.

Số tiền tạm ứng án phí 7.800.000 đồng, chị Nguyễn Thị B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017816 ngày 18/10/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu được cản trừ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm mà chị B phải nộp. Chị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch 1.150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Tòa án tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Huỳnh Sa Rên